

NGHỊ QUYẾT
Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Đắk Lắk
giai đoạn 2006 - 2010

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA VII - KỲ HỌP THỨ 6

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam, ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam, ngày 09 tháng 6 năm 2000;

Căn cứ Quyết định số 272/2003/QĐ-TTg, ngày 31 tháng 01 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ Việt Nam đến năm 2010;

Căn cứ Quyết định số 67/2006/QĐ-TTg, ngày 21 tháng 3 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ chủ yếu giai đoạn 2006 - 2010;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Xét Tờ trình số 69 /TTr-UBND, ngày 22 tháng 6 năm 2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị thông qua Đề án Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2006 - 2010; Báo cáo thẩm tra số 104/BC-KTNS, ngày 18 tháng 7 năm 2006 của Ban Kinh tế & Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của vị đại biểu tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành thông qua Đề án Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2006 - 2010, với các nội dung chủ yếu sau:

I. Quan điểm :

Phát triển khoa học và công nghệ phải gắn liền với các mục tiêu và định hướng phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh; lấy khoa học và công nghệ làm luận chứng để mở ra các hướng phát triển mới một cách bền vững; đẩy mạnh hợp tác trên cơ sở tăng cường năng lực nội sinh nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế; kết hợp công nghệ hiện đại với công nghệ truyền thống; phát triển khoa học và công nghệ phải dựa trên cơ sở nâng cao dân trí và phát triển nguồn

nhân lực; chú trọng thích đáng khoa học xã hội và nhân văn; đầu tư cho khoa học và công nghệ là đầu tư cho phát triển.

II. Mục tiêu phát triển khoa học và công nghệ đến năm 2010:

1. Góp phần cùng các cấp, các ngành trong tỉnh đạt tới các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2010, cụ thể là:

- a. Tăng năng suất các cây trồng chủ lực từ 20% trở lên.
- b. Cải tạo nhanh giống bò và giống lợn, nâng cao đáng kể chất lượng và số lượng đàn gia súc, gia cầm; đưa chăn nuôi chiếm khoảng 15 - 17% giá trị sản phẩm nông nghiệp.
- c. Nâng cao chất lượng và khả năng cạnh tranh của các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của tỉnh. Toàn bộ nông lâm sản cơ bản phải được chế biến.
- d. Gắn kết việc phát triển các vùng nguyên liệu tập trung, các tuyến du lịch văn hoá - sinh thái với các mục tiêu bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, môi trường sinh thái cũng như đảm bảo công bằng và tiến bộ xã hội ở vùng sâu, vùng xa và trên cơ sở đó góp phần tích cực vào việc mở ra các ngành công nghiệp, dịch vụ mới.

2. Nâng cao năng lực của các cấp, các ngành trong việc xây dựng các luận cứ khoa học cho các chủ trương, chính sách, các quy hoạch và kế hoạch phát triển của tỉnh; cho sự lựa chọn các phương án đầu tư có hiệu quả cũng như trong việc tạo ra môi trường thể chế thuận lợi để thu hút vốn đầu tư từ bên ngoài, đẩy nhanh quá trình đổi mới và chuyển giao công nghệ trên địa bàn Đắk Lắk

Tạo lập được môi trường thể chế khuyến khích đầu tư vào sản xuất kinh doanh, vào đổi mới và chuyển giao công nghệ để khai thác các lợi thế so sánh, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

3. Xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ đủ sức đáp ứng các nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội

Tập trung sức phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ trong các ngành kinh tế trọng yếu như nông nghiệp, công nghiệp chế biến và dịch vụ. Tăng nhanh đội ngũ kỹ sư thực hành, kỹ thuật viên, trung cấp chuyên nghiệp và công nhân lành nghề bằng cách đa dạng hoá các hình thức đào tạo, đồng thời có chính sách ưu đãi đặc biệt để thu hút đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ trẻ có trình độ đại học và trên đại học tình nguyện về công tác lâu dài ở tỉnh. Đào tạo cán bộ khuyến nông, khuyến lâm cho cấp xã, đến năm 2010 mỗi xã có ít nhất là 01 cán bộ làm công tác này và có trình độ tương đương với trung cấp chuyên nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp.

Dành ưu tiên đúng mức cho việc nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật của hệ thống trạm trại, trung tâm giống cây trồng và vật nuôi, trung tâm ứng dụng chuyển giao công nghệ, các cơ sở phòng trừ dịch hại cho người và vật nuôi, các phòng thí nghiệm... cũng như của hệ thống các trường đào tạo và dạy nghề để có điều kiện nâng cao kỹ năng thực hành cho đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ, góp phần nâng cao năng lực tiếp thu, làm chủ và thích ứng với các công nghệ mới được chuyển giao trên địa bàn tỉnh.

4. *Đầu tư cho sự nghiệp khoa học và công nghệ 2% tổng chi ngân sách vào năm 2010*

Đầu tư của ngân sách nhà nước trung ương và địa phương tập trung vào những vấn đề lớn mà từng cơ sở sản xuất không có đủ khả năng và điều kiện giải quyết hoặc để hỗ trợ cho công tác nghiên cứu, phát triển phục vụ lợi ích công cộng.

5. *Tạo lập thị trường công nghệ để gắn các hoạt động nghiên cứu - phát triển và thiết kế thử nghiệm với các nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội*

Gắn kết mạng lưới thông tin khoa học và công nghệ với các thông tin thị trường thương mại và dịch vụ để hỗ trợ cho sự lựa chọn các phương án đầu tư, giải quyết đầu vào và đầu ra cho các cơ sở sản xuất và phổ biến kịp thời trên các phương tiện nghe nhìn của tỉnh.

Hình thành mạng lưới các tổ chức tư vấn đầu tư, dịch vụ chuyển giao công nghệ đáp ứng được nhu cầu phát triển của các hộ nông dân, các trang trại gia đình cũng như các doanh nghiệp vừa và nhỏ, tạo môi trường thể chế thuận lợi cho các hoạt động của thị trường công nghệ trên địa bàn tỉnh.

Đưa các hoạt động tiêu chuẩn đo lường, kiểm tra chất lượng sản phẩm đi vào nề nếp, đặc biệt chú trọng các sản phẩm tiêu dùng có liên quan đến sức khoẻ của nhân dân và thực thi nghiêm Luật sở hữu trí tuệ và bảo hộ nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp để hỗ trợ đắc lực cho quá trình hội nhập kinh tế.

III. Các chương trình trọng tâm phát triển khoa học và công nghệ đến năm 2010 :

1. *Chương trình khoa học xã hội và nhân văn, giáo dục, y tế:*

a. Khoa học xã hội và nhân văn :

Vấn đề tôn giáo, dân tộc ở Đắk Lắk và những giải pháp ổn định an ninh chính trị, phát triển hài hòa các lợi ích.

Nghiên cứu và đề xuất các giải pháp phát triển kinh tế, văn hóa thôn buôn trong điều kiện hội nhập kinh tế.

Đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp nâng cao sự hiểu biết và khả năng ứng dụng khoa học và công nghệ nhằm góp phần nâng cao năng lực tự chủ, nâng cao mức sống của đồng bào dân tộc tại chỗ.

Nghiên cứu xác định chỉ số phát triển con người; sự biến đổi thành phần cơ cấu xã hội và năng lực hoạt động quản lý xã hội ở các cấp chính quyền.

Nghiên cứu xây dựng mô hình bảo tồn và phát triển các giá trị văn hóa truyền thống, xây dựng nếp sống văn hóa trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Nghiên cứu ứng dụng các mô hình tổ chức quản lý sản xuất phù hợp trong sản xuất nông nghiệp nhằm thích ứng với hội nhập kinh tế.

Nghiên cứu đề xuất chiến lược phân bố lao động và ổn định dân cư của tỉnh đến năm 2020, các giải pháp giải quyết việc làm.

b. Giáo dục

Ứng dụng và nâng cao chất lượng dạy chữ dân tộc ở cấp tiểu học.

Ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy một số môn học ở cấp cơ sở và phổ thông.

Biên soạn và đưa vào chương trình giảng dạy cấp phổ thông môn truyền thống và lịch sử tỉnh Đắk Lắk

c. Y tế :

Nghiên cứu các vấn đề sức khỏe cộng đồng, các loại dịch bệnh nguy hiểm và cách phòng chống ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Nghiên cứu các phương pháp bảo tồn, chế biến, bảo quản để giữ gìn và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn dược liệu quý hiếm trên địa bàn tỉnh.

2. Chương trình nông nghiệp và phát triển nông thôn, tài nguyên và môi trường

Đánh giá thực trạng khai thác, sử dụng và đề xuất những giải pháp quản lý bền vững tài nguyên đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên rừng, tài nguyên sinh vật.

Rà soát quy hoạch phát triển nông nghiệp và nông thôn, xác định cơ cấu và qui mô hợp lý cho từng tiểu vùng, đảm bảo sự phát triển cân đối giữa trồng trọt và chăn nuôi, giữa nông nghiệp và lâm nghiệp, chuyển mạnh sang đầu tư theo chiều sâu, chú trọng nâng cao hiệu quả sản xuất và chất lượng sản phẩm.

Xây dựng và áp dụng các quy trình thực hành nông nghiệp tốt cho một số cây trồng, vật nuôi chủ lực.

Nghiên cứu chuỗi giá trị sản phẩm nhằm xác định và áp dụng những tác động phù hợp tạo giá trị gia tăng, nâng cao khả năng cạnh tranh cho một số nông sản.

Nghiên cứu áp dụng quy trình công nghệ cao, quy trình sản xuất hữu cơ cho một số cây trồng có lợi thế tại một số tiểu vùng có điều kiện thích hợp.

Hoàn thiện và nhân rộng các quy trình sản xuất thức ăn chăn nuôi phù hợp quy mô nông hộ, trang trại.

Xây dựng mô hình trình diễn, tập huấn kỹ thuật cụm xã có điều kiện tự nhiên, kinh tế, văn hóa tương đồng để chuyển giao công nghệ hiệu quả và bền vững.

Áp dụng các giải pháp quản lý tổng hợp tài nguyên thiên nhiên cấp cộng đồng ở vùng đệm của các khu bảo tồn thiên nhiên, ở các vùng rừng nguyên liệu.

Tuyển chọn các giống cây bản địa và nhập nội có giá trị kinh tế và sinh thái để phục vụ trồng rừng, góp phần nâng cao thu nhập cho người dân sống bằng nghề rừng.

Bảo tồn và khai thác hợp lý nguồn gen cây trồng, vật nuôi bản địa.

Tổng kết các mô hình canh tác, các mô hình nông lâm kết hợp bền vững trên địa bàn tỉnh và kinh nghiệm của các tỉnh khác, làm rõ các điều kiện để mở rộng các mô hình đó trên các vùng sinh thái của tỉnh.

3. Chương trình ứng dụng công nghệ sinh học

Khảo nghiệm và sản xuất giống tại địa phương cho một số cây ngắn ngày.

Sản xuất thử nghiệm một số chế phẩm phân bón, chế phẩm bảo vệ cây trồng dựa trên công nghệ vi sinh.

Ứng dụng công nghệ chế biến, bảo quản cho các loại rau, hoa và quả có thể tiêu thụ ngoài tỉnh.

Áp dụng tổng hợp các tiến bộ Công nghệ sinh học để sản xuất một số sản phẩm nông nghiệp sạch theo các tiêu chí để được chứng nhận nhằm làm tăng giá trị và sức cạnh tranh của nông sản, bảo vệ môi trường.

Ứng dụng rộng rãi công nghệ Biogas kết hợp sử dụng vi sinh sản xuất phân bón hữu cơ ở các trại chăn nuôi.

Ứng dụng các chế phẩm vi sinh thể hệ mới trong xử lý rác thải, phế thải hữu cơ, nước thải nhà máy công nghiệp, nhất là ở các nhà máy chế biến cà phê và tinh bột sắn, các công trình vệ sinh nông thôn, lò giết mổ.

Ứng dụng các chế phẩm phân bón hữu cơ vi sinh trong chương trình hữu cơ hoá đất nông nghiệp, bảo vệ bền vững tài nguyên đất.

4. Chương trình thu hút vốn đầu tư đổi mới, chuyển giao công nghệ

Mục tiêu của Chương trình là thông qua các chính sách khuyến khích đầu tư và các chính sách đồng bộ khác, đẩy nhanh quá trình đổi mới và chuyển giao công nghệ trên địa bàn tỉnh trong các lĩnh vực kinh tế trọng điểm.

Đánh giá hiện trạng trình độ công nghệ và thiết bị làm cơ sở xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ và thiết bị, đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm xuất khẩu.

Hoàn thiện các chính sách khuyến khích đầu tư dựa trên cơ sở Luật Doanh nghiệp, tạo ra môi trường thể chế thuận lợi để thu hút các nguồn vốn từ tỉnh ngoài, nước ngoài vào tỉnh Đắk Lắk kèm theo các yêu cầu chuyển giao công nghệ và đào tạo kỹ năng nghề nghiệp cho người lao động để nâng cao năng lực tiếp thu và làm chủ các công nghệ được chuyển giao.

Xây dựng hệ thống các chính sách khuyến khích chuyển giao công nghệ thông qua các hình thức liên kết, liên doanh, quỹ hỗ trợ đổi mới công nghệ để đầu tư phát triển công nghiệp chế biến, công nghiệp hàng tiêu dùng hướng về xuất khẩu.

Hỗ trợ chuyển giao công nghệ và các kỹ thuật tiên bộ cho các hộ nông dân, các trang trại.

Hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao công nghệ, thiết bị chế biến và bảo quản nông lâm sản, chú trọng các sản phẩm xuất khẩu chủ lực và một số rau hoa quả có lợi thế.

Xây dựng mạng lưới thông tin thị trường và công nghệ để giúp cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tiếp cận với nhu cầu của từng loại thị trường và trên cơ sở đó tìm kiếm các công nghệ thích hợp.

Hỗ trợ doanh nghiệp, cá nhân phát triển và bảo hộ tài sản trí tuệ.

5. Chương trình Công nghệ thông tin

Nghiên cứu các yêu cầu về môi trường thể chế, về chuyên môn để sớm triển khai các hoạt động thương mại điện tử, tiến hành việc quảng cáo và buôn bán trên mạng Internet, ứng dụng trên sàn giao dịch cả phê, nông sản, tham gia thị trường kỳ hạn trong buôn bán.xuất khẩu.

Xây dựng và củng cố Trung tâm thông tin tư liệu trong các ngành Thương mại - Du lịch, Khoa học và Công nghệ.

Xây dựng mạng lưới thông tin khoa học và công nghệ phục vụ nông thôn.

Xây dựng các ngân hàng dữ liệu khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đảm bảo cung cấp cho các cấp, các ngành cũng như các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh những thông tin khoa học và công nghệ cần thiết khi lập kế hoạch, lựa chọn các phương án đầu tư.

6. Chương trình phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ

Mục tiêu của Chương trình trong giai đoạn 2005 - 2010 là đào tạo và quy tụ được một đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ đủ năng lực tiếp thu và làm chủ các công nghệ mới được chuyển giao trên địa bàn tỉnh, đủ sức vươn lên giải quyết vấn đề thích ứng với các công nghệ hiện đại trong thập niên tiếp theo 2011 - 2020.

Đào tạo lại và đào tạo mới theo phương châm gắn liền với các định hướng ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, chú trọng đào tạo các kỹ sư thực hành, trung cấp chuyên nghiệp và công nhân lành nghề. Gắn các cơ sở đào tạo với dịch vụ giới thiệu việc làm.

Xây dựng và ban hành các chính sách khuyến khích các cán bộ khoa học và công nghệ đến công tác ở vùng sâu, vùng xa cũng như ưu đãi và tạo điều kiện thuận lợi cho các chuyên gia trình độ cao về tỉnh làm việc lâu dài.

Đầu tư thêm trang thiết bị về kiểm định đo lường, thử nghiệm, đánh giá chất lượng, giám sát môi trường, kiểm tra an toàn bức xạ.

Tiếp tục tăng cường tiềm lực cho Trung tâm thông tin tư liệu khoa học và công nghệ.

Tăng cường đầu tư nâng cấp Trung tâm ứng dụng khoa học và công nghệ; Trung tâm giống cây trồng vật nuôi; Trung tâm y tế dự phòng.

Củng cố mạng lưới hoạt động khoa học và công nghệ cấp huyện.

IV. Các giải pháp phát triển khoa học và công nghệ:

1. Tạo lập môi trường thể chế gắn kết các hoạt động khoa học và công nghệ với các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội

a. Tạo lập các thể chế gắn kết các hoạt động khoa học và công nghệ với sản xuất kinh doanh :

Rà soát các quy định có liên quan đến quản lý đầu tư, thuế, tín dụng cho các hoạt động khoa học và công nghệ nhằm tạo ra cơ chế đồng bộ khuyến khích đầu tư đúng mức cho các hoạt động nghiên cứu - phát triển. Thông qua cơ chế khuyến khích, tạo dựng môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu khoa học và đổi mới công nghệ.

Hỗ trợ các doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9000, ISO 14000, HACCP, SA, TQM...; các cơ quan quản lý nhà nước áp dụng ISO 9000.

Hỗ trợ cho các dự án nghiên cứu - phát triển và thiết kế thử nghiệm của các doanh nghiệp có tầm quan trọng đối với nền kinh tế của tỉnh.

Có cơ chế khuyến khích thành lập các doanh nghiệp nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ dưới nhiều hình thức khác nhau (công ty cổ phần, trách nhiệm hữu hạn hoặc liên doanh...) để đưa nhanh các kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ vào sản xuất.

b. Tạo lập thị trường công nghệ :

Triển khai các chợ phiên và chợ ảo «Công nghệ và Thiết bị»; hình thành cơ chế vận hành thị trường công nghệ ngay trên địa bàn của tỉnh.

Hình thành cơ quan tư vấn thị trường công nghệ, đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, sở hữu trí tuệ, thẩm định các dự án và hợp đồng chuyển giao công nghệ độc lập với các cơ quan quản lý nhà nước để đáp ứng các yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Tạo lập thị trường lao động khoa học và công nghệ thông qua việc áp dụng chế độ khuyến khích và ưu đãi, áp dụng chế độ biên chế linh hoạt để phát triển nguồn nhân lực cho khoa học và công nghệ .

Khuyến khích phát triển các dịch vụ tư vấn về đầu tư và chuyển giao công nghệ gắn liền với dịch vụ tài chính - tín dụng để đẩy nhanh và mở rộng áp dụng các kỹ thuật tiên bộ trong nông nghiệp và phát triển nông thôn, đổi mới công nghệ và đưa nhanh các công nghệ hiện đại vào các ngành công nghiệp và dịch vụ của tỉnh.

Thế chế hoá việc cung cấp thông tin thống kê, thông tin kinh tế - xã hội như một loại dịch vụ hành chính công cho các đối tượng cần thông tin.

2. Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hệ thống quản lý khoa học và công nghệ

a. Về cơ chế quản lý khoa học và công nghệ :

Phân cấp quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ và nâng cao trách nhiệm cho các sở, ban, ngành và các huyện, thành phố trong tỉnh. Đồng thời có cơ chế quản lý khoa học và công nghệ tập trung thông qua Sở Khoa học và Công nghệ, khắc phục tình trạng mâu thuẫn, cản trở, chồng chéo lẫn nhau trong hoạt động khoa học và công nghệ.

Liên kết, phối hợp chặt chẽ các chính sách phát triển kinh tế - xã hội, phát triển các ngành với chính sách phát triển khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh.

Tăng cường vai trò tư vấn, tham mưu của Hội đồng khoa học và công nghệ các cấp, nhằm hỗ trợ cho việc lựa chọn các định hướng ưu tiên phát triển,

tuyển chọn các dự án đầu tư; tư vấn, thẩm định và đánh giá các hoạt động khoa học và công nghệ và các hoạt động kinh tế - xã hội.

b. Về cơ chế tài chính cho hoạt động khoa học và công nghệ :

Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ thông qua công cụ thuế, tín dụng ưu đãi. Cho phép các doanh nghiệp có điều kiện khấu hao nhanh đối với các công nghệ thuộc hướng ưu tiên và trọng điểm của tỉnh, được sử dụng lợi nhuận trước thuế để chi cho các hoạt động đổi mới công nghệ; cấp kinh phí cho nghiên cứu, triển khai và thử nghiệm để đổi mới sản phẩm.

Có chính sách ưu đãi đối với các doanh nghiệp mới được thành lập dựa trên các kết quả nghiên cứu, triển khai, thử nghiệm để nhanh chóng đưa khoa học và công nghệ vào sản xuất.

Thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ, hoạt động theo nguyên tắc tài trợ không hoàn lại hoặc có hoàn lại một phần, cho vay với lãi suất thấp, đóng góp cổ phần vào các doanh nghiệp mới được thành lập dựa trên các kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ, đầu tư mạo hiểm vào các lĩnh vực công nghệ cao.

Nâng cao hiệu quả sử dụng tài chính cho hoạt động khoa học và công nghệ thông qua các nguyên tắc: cạnh tranh bình đẳng; đầu tư theo hiệu quả công việc.

c. Về cơ chế lập và triển khai kế hoạch khoa học và công nghệ :

Phân cấp rõ ràng trong lập kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh. Sở Khoa học và Công nghệ tập trung xây dựng kế hoạch định hướng để thực hiện các nhiệm vụ ưu tiên liên ngành thông qua các chương trình mục tiêu, sử dụng hệ thống kiểm tra, đánh giá và các công cụ tài chính để điều tiết quá trình thực hiện. Công khai việc lập, triển khai, giám sát kế hoạch khoa học và công nghệ.

Thế chế hoá việc tổ chức đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, lấy kết quả ứng dụng vào thực tiễn sản xuất, đời sống và quản lý xã hội làm chỉ số đánh giá quan trọng nhất.

d. Kiện toàn bộ máy quản lý khoa học và công nghệ :

Kiện toàn Hội đồng khoa học và công nghệ của tỉnh theo hướng nâng cao vai trò tư vấn và phản biện, thẩm định cho những nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. củng cố hệ thống các Hội đồng khoa học và công nghệ chuyên ngành. Thực hiện biên chế chuyên trách quản lý khoa học và công nghệ ở cấp huyện. Củng cố các mặt hoạt động của Liên hiệp các Hội khoa học kỹ thuật tỉnh.

3. Giải pháp phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ

a. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực :

Đa dạng hoá các hình thức đào tạo đồng thời nâng cao chất lượng, đổi mới cơ cấu đào tạo, phương thức đào tạo nguồn nhân lực khoa học và công nghệ của tỉnh; phát huy cao độ tiềm năng của đội ngũ khoa học và công nghệ hiện có; đảm bảo thu nhập và quyền sở hữu trí tuệ cho cán bộ khoa học và công nghệ.

Xây dựng chính sách đào tạo, thu hút nhân tài cho những ngành khoa học công nghệ ưu tiên và thực sự có nhu cầu.

b. Tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật cho khoa học và công nghệ :

Xây dựng và củng cố hệ thống các trạm trại, Trung tâm ứng dụng chuyển giao công nghệ, Trung tâm giống cây trồng vật nuôi, các Trung tâm công nghệ thông tin, Trung tâm y tế dự phòng, Đầu tư nâng cấp trang thiết bị và cơ sở hạ tầng cho các phòng thí nghiệm. Có chính sách ưu đãi thu hút đầu tư khoa học và công nghệ từ ngoài tỉnh. Tin học hoá các cơ sở dữ liệu khoa học và công nghệ, triệt để khai thác và phổ biến các nguồn thông tin khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

c. Khai thác, tận dụng các năng lực khoa học và công nghệ trong nước và quốc tế :

Đa dạng hoá các mối quan hệ và các hình thức hợp tác nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ. Chú trọng hợp tác khoa học và công nghệ với các tổ chức trong nước và quốc tế. Đầu tư đúng mức cho việc hợp tác nghiên cứu - phát triển để thích ứng các công nghệ mới được nhập vào trên địa bàn tỉnh. Tạo điều kiện thuận lợi cho các cán bộ khoa học và công nghệ của tỉnh nâng cao kiến thức và trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Đồng thời, tạo môi trường thể chế và các chính sách thích hợp để thu hút cán bộ khoa học và công nghệ trẻ, các chuyên gia ngoài tỉnh đến công tác ở tỉnh.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại các kỳ họp; giao cho Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắc Lắc Khóa VII, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 21 tháng 7 năm 2006./.

Nơi nhận:

- Như điều 03;
- UBTW Quốc hội;
- Chính Phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Văn phòng HĐND và Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu VT, TH.

410^b

CHỦ TỊCH



Niê Thuật